

NHẬN DIỆN HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ ĐE DỌA TRONG TIẾNG VIỆT

PGS.TS ĐÀO THANH LAN

Từ điển tiếng Việt định nghĩa: “đe dọa là làm cho người khác sợ hay tạo nên mối lo lắng về tai họa nào đó” [3, 616]. Như thế, ta có thể hiểu: hành động ngôn từ đe dọa là việc dùng lời nói tạo nên một mối lo lắng nào đó cho người khác khiến cho người đó sợ mà phải làm theo yêu cầu của người nói. Vậy, hành động ngôn từ đe dọa được thể hiện bằng lời đe dọa thì có những dấu hiệu đặc trưng gì về ý nghĩa, về cách sử dụng ngôn từ. Khảo sát vấn đề này sẽ làm sáng tỏ thêm nhiều điều lí thú về đặc điểm văn hóa ngôn từ của người Việt.

1. Khác với hành động cầu khiến thuộc nhóm điều khiển (người nói yêu cầu người nghe thực hiện một hành động mà người nói bày tỏ), hành động đe dọa lại thuộc nhóm cam kết: người nói (chủ ngôn) nêu ra dự định mà người nói sẽ thực hiện nhằm mục đích đe dọa người nghe (tiếp ngôn) để người nghe sợ mà làm theo yêu cầu của người nói đã nêu ở lời cầu khiến tiền ngôn trước khi đe dọa. Như thế, đe dọa có mục đích làm tăng hiệu lực của lời cầu khiến tiền ngôn.

Thí dụ 1:

Tên Pha có nhà không đấy? Trốn thuế đấy à? Sao không ra đình mà nộp cho xong? *Muốn tù thì bảo!*

(*Bước đường cùng*, Nguyễn Công Hoan)

Thí dụ trên có phần không in nghiêng là những lời hỏi. Trong đó, lời hỏi đầu tiên nhằm xác định thông tin *Pha có nhà hay không*. Đây cũng là lời đánh tiếng khi người nói đến nhà Pha, là một cách chào hỏi của bề trên đối với người dưới.

Hai lời hỏi sau hỏi về nội dung công việc. Đồng thời lời hỏi thứ ba (*Sao không ra đình mà nộp cho xong?*) là lời hỏi để truy tìm nguyên nhân có hàm ý cầu khiến (cầu khiến gián tiếp) Pha phải nộp thuế. Hàm ý này được xác định chắc chắn bởi có phần lời tiếp theo ở ngoài dấu ngoặc là lời đe dọa: *Muốn tù thì bảo*.

Gần gũi với hành động đe dọa là hành động cảnh báo. Hành động cảnh báo có mục đích báo trước một sự kiện có thể xảy ra trong tương lai gây kết quả xấu cho người nghe.

Thí dụ 2:

Lý trưởng quắc mắt:

- *Ồ hay cái chị này, việc gì đến tôi chỗ ấy. Tôi không biết. Bước! Quan lớn đánh cho bây giờ!*

(*Tuyển tập Nguyễn Công Hoan*, Nxb Văn học, tr. 477, 2003)

Ở đây, người nói (lí trưởng) ra lệnh cho người nghe (chị Dậu): *bước*, tức là yêu cầu người nghe thực hiện hành động bước ra chỗ khác, nếu không

làm thì sẽ có sự kiện không tốt xảy ra với người nghe (*quan lớn đánh cho bảy giờ*). Xét theo điều kiện sử dụng của hành động ngôn ngữ thì đây là hành động cảnh báo.

Hành động đe dọa khác với hành động cảnh báo ở chỗ: ở hành động đe dọa thì người nói sẽ thực hiện hành động gây thiệt hại cho người nghe còn ở hành động cảnh báo thì người nói không thực hiện hành động đó. Hành động cảnh báo có mục đích báo trước sự việc không tốt cho người nghe để người nghe đề phòng. Hành động đe dọa có mục đích dùng sự việc không tốt đối với người nghe làm cho người nghe lo lắng, sợ hãi mà làm theo yêu cầu của người nói. Do cả hai hành động này có điểm chung là báo trước một sự kiện xấu cho người nghe nên người nói có thể dùng lời cảnh báo với mục đích đe dọa, lúc đó ta có lời/ hành động đe dọa gián tiếp. Lời cảnh báo trong thí dụ 2 được dùng với mục đích đe dọa để người nghe sợ mà thực hiện yêu cầu của người nói là *bước*. Do đó, nó là lời đe dọa gián tiếp.

2. Để đe dọa được người nghe thì nội dung của lời đe dọa thường có giá trị làm cho người nghe lo lắng, sợ hãi. Đó là sự đe dọa về thể xác với các vị từ hành động khiến thể xác bị hành hạ (đánh, tát, đập..., hoặc bị chết), đe dọa về thể diện (mắng, chửi...), đe dọa về quyền lợi (phạt, cúp lương, đuổi việc, đuổi học, đuổi ra khỏi nhà, truất quyền thừa kế...). Hành động đe dọa không có vị từ ngôn ngữ hành động mà được biểu thị thông qua phương tiện từ vựng là những cụm từ có ý nghĩa cảnh báo, đe dọa như: truyền đời/ truyền đời báo danh, liệu thần hồn/ liệu thần xác, cho mày biết (tay)/ cho mày xem, biểu thị qua kết

cấu điều kiện nếu/ hễ A thì B hoặc A thì B mà B có chứa vị từ mang ý nghĩa đe dọa. Những từ ngữ hoặc kết cấu giúp nhận diện hành động đe dọa được gọi là dấu hiệu ngôn ngữ.

2.1. Thí dụ 3:

Tao đây cũng không hèn hạ gì, mày ưng thuận lấy tao thì mày chỉ được phép biết có tao, những đứa nào xưa kia nó quyến rũ mày, mày phải quên đi, tao truyền đời cho chúng mày biết thế đây...

(Truyện ngắn Vũ Trọng Phụng, Nxb VH-TT, tr.32, 2007)

Thí dụ 4:

Mụ Nghi nghiền răng kèn kẹt và chỉ vào mặt con bé:

- Bà truyền đời báo danh cho mày, từ giờ đến mai, phải ăn hết cái rá cơm ấy, rồi mới được ăn cơm khác!

(Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Cụm từ *truyền đời/ truyền đời báo danh* biểu thị ý nghĩa tình thái đe dọa vì nó chỉ được dùng để mắng đối phương khi người nói có vị thế giao tiếp cao hơn người nghe (tao/ bà - mày) và có trạng thái tâm lý không hài lòng đến mức bức bối, tức giận người nghe. Đứng trước hoặc sau cụm từ *truyền đời/ truyền đời báo danh* thường là cú/ mệnh đề yêu cầu người nghe phải làm một việc gì đó. Biểu thức lời đe dọa kiểu này là:

$D1 + Vd + D2 + \text{cú ck}$

(Ghi chú: D1= danh/đại từ ngôi 1; Vd= vị từ biểu thị ý đe dọa; cú ck= cú biểu thị ý cầu khiến)

2.2. Thí dụ:

(5) *Ừ, ông sắp chết đấy, tiên sư mày! Mày cứ rửa ông đi, ông xem có đập vào*

mặt mày ra bằng cây gậy này không?
Đồ khốn nạn, đồ chó, đồ bất hiếu chi tử!

(*Trúng số độc đắc*, Vũ Trọng Phụng, Nxb Văn học, tr. 59, 2005)

Thí dụ 4 có phần in đứng là lời đe dọa với các đại từ nhân xưng chỉ vai giao tiếp nói - nghe là *ông* - *mày* và vị từ biểu thị ý đe dọa là *đập* (hành động gây thiệt hại về thể xác người nghe). Trước lời đe dọa là lời chửi (*Tiên sư mày*), tiếp đến là lời yêu cầu (*mày cứ rửa ông đi*) với mục đích thách thức vì đây là lời cầu khiến được nói ra ở điều kiện chân thành là người nói không mong muốn người nghe hành động (ngược với điều kiện chân thành của một lời cầu khiến đích thực nên có đích ngôn trung thách thức. Đây là lời thách thức gián tiếp. Lời thách thức này lại là điều kiện để có lời/ hành động tiếp theo là đe dọa. Biểu thức ngôn cảnh của lời đe dọa này là: lời chửi + lời cầu khiến + lời đe dọa, và biểu thức đe dọa là: D1 + Vd + D2. Từ đó, ta có biểu thức mở rộng của lời đe dọa (biểu thức ngôn cảnh + biểu thức đe dọa) là:

Ngữ chửi + cú ck + D1 + Vd + D2

Như vậy, lời đe dọa thường xuất hiện trong điều kiện ngôn cảnh là người nói có tâm trạng tức bực người nghe thể hiện qua lời mắng, chửi. Cho nên lời mắng, chửi là dấu hiệu ngôn hành cận cảnh của lời đe dọa (dấu hiệu ngôn hành của hành động đứng gần hành động đe dọa nhất mà có ý nghĩa liên quan đến hành động đe dọa, có giá trị làm điều kiện ngôn cảnh của hành động đe dọa). Mặt khác, lời đe dọa thường xuất hiện khi người nói muốn yêu cầu của mình được thực hiện ngay. Lúc này đe dọa là cách thức làm tăng

hiệu lực cầu khiến. Kiểu này thường được diễn đạt bằng kết cấu điều kiện nếu/ hễ A thì B.

2.3. Thí dụ:

(6) *Long nghiêm mặt cắt đứt:*

- *Ông tò mò như thế là vô lễ!*
Nếu ông không muốn thất nghiệp thì ông liệu cái thân xác ông đây!

(*Giông tố*, Vũ Trọng Phụng)

Lời nói của Long ở thí dụ 6 gồm hai lời bộ phận: Lời bộ phận thứ nhất là lời biểu kiến (biểu thị ý kiến) với mục đích trách cứ/ mắng. Lời bộ phận thứ hai là kết cấu điều kiện nếu A thì B có A là mệnh đề điều kiện với dạng: *không muốn* + vị từ nêu hành động *gây thiệt hại cho người nghe* để dẫn đến mệnh đề kết quả B và B là lời cảnh báo. Kết cấu điều kiện kiểu này diễn đạt mục đích đe dọa. Biểu thức lời đe dọa kiểu này là K1 (kiểu 1):

*Nếu D2 - Không muốn Vh thì D2 -
ngữ cb*

(Ghi chú: Vh = V biểu ý gây hại;
ngữ cb = ngữ cảnh báo)

Thí dụ:

(7) *Vừa ra đến sân thị nghe tiếng cô Viên gọi giật vào. Cô chỉ mặt thị bảo ngay:*

- *Tao bảo thật: Mày liệu hồn đấy!*
Trêu máu ai chứ trêu máu tao, tao đập tan đầu mày ra đấy.

(*Tuyển tập Nam Cao I*, Nxb Văn học, 2003)

Liệu thân xác/ liệu hồn là những cụm từ được dùng để cảnh báo người nghe khi người nói muốn người nghe không được làm một việc gì đó mà nếu cứ cố tình làm thì người nghe sẽ

phải nhận một kết cục xấu. Trước hoặc sau cụm từ này có thể có thêm cú/ mệnh đề diễn đạt hành động đe dọa cụ thể, như: *tao đập tan đầu mày ra đấy* ở vế sau của kết cấu điều kiện (D2) + *mà V thì D1 + Vd + D2* trong thí dụ 7. Đối với thí dụ 7, cụm từ *liệu hồn* mang ý nghĩa cảnh báo có chức năng làm dấu hiệu ngôn hành cận cảnh cho lời đe dọa ở phía sau.

2.4. Thí dụ:

(8) *Cai lệ vẫn giọng hằm hè:*

- *Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!*

(Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Biểu thức đe dọa của các thí dụ 7, 8 thuộc kiểu 2 (K2) là:

Nếu/ hễ (D2) - V thì D1 - Vd

(Ghi chú: Vd= vị từ biểu ý đe dọa)

Thí dụ:

(9) *Và vẫn nghiêm chỉnh, ngài đe:*

- *Hễ nói dối mà trốn vào đâu thì đừng ăn cái tết này thôi.*

(Tuyển tập Nguyễn Công Hoan II, Nxb Văn học, 2003)

Trong các kết cấu điều kiện ở thí dụ 8, 9, vế A là điều kiện để người nói nêu ra dự định sẽ thực hiện hành động ở vế B. Vế B là lời đe dọa. Mục đích của lời đe dọa kiểu này là: người nói muốn người nghe phải thực hiện hành động ngược lại với điều kiện nêu ở A.

Như vậy, điểm khác nhau của kết cấu điều kiện biểu thị ý đe dọa với kết cấu điều kiện trần thuật là: ở kết cấu điều kiện đe dọa thì vế B là lời đe dọa diễn đạt hành động đe dọa, còn

ở kết cấu điều kiện trần thuật thì vế B là lời trần thuật về kết quả mà điều kiện ở vế A là nguyên nhân. Thông thường, trước kết cấu điều kiện đe dọa thường có lời cầu khiến biểu thị hành động cầu khiến yêu cầu người nghe làm theo hướng ngược lại với điều kiện nêu ở vế A như thí dụ 10, 11 dưới đây. Thí dụ:

(10) *Hải Vân rút chiếc mùi xoa ở túi cầm tay, vo tròn, lại nói:*

- *Há rộng mồm ra, không ông bắn chết!*

(Giông tố, Vũ Trọng Phụng)

(11) *Ông đưa nắm tay vào ngực bà, dúi mạnh một cái gần như ngã ngửa:*

- *Về ngay! Còn đi theo ông, ông đâm chết ngay lập tức!*

(Tuyển tập Nam Cao I, Nxb Văn học, 2003, tr.232)

Trong thí dụ 10, 11, kết cấu điều kiện ở dạng khuyết cặp từ *nếu - thì*. Điều kiện nêu ở vế A có nghĩa ngược hướng/ đối lập với hành động nêu ở lời cầu khiến phía trước. Như thế, lời cầu khiến đứng trước kết cấu điều kiện đe dọa là dấu hiệu ngôn hành cận cảnh của lời đe dọa, còn lời đe dọa có mục đích làm tăng hiệu lực của lời cầu khiến.

2.5. Nếu không diễn đạt bằng kết cấu điều kiện thì hành động đe dọa thường dùng kết hợp với hành động khác mà hành động khác là điều kiện để dẫn đến hành động đe dọa. Trong đó, lời đe dọa thường được dùng kèm với lời cầu khiến nhiều nhất. Thí dụ:

(12) *Ông chánh hội phải vớ lấy cây gậy mà rằng:*

- *Thôi cả đấy nhé! Cấm không ai nói nữa nhời đấy*, kéo không có mà thằng này phang cả cho một lượt chứ chẳng từ ai đâu!

(*Giông tố*, Vũ Trọng Phụng)

Ở đây, lời đe dọa đứng sau hai lời cầu khiến (yêu cầu, cấm) với tác dụng làm tăng hiệu lực của lời cầu khiến. Thí dụ:

(13) *Tức quá, chị Dậu nói với cai lệ:*

- *Mày đánh chồng bà đi! Bà cho mày xem!*

(*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

Lời nói của chị Dậu gồm hai lời bộ phận biểu thị hai hành động: hành động thứ nhất là hành động thách thức người nghe với lời có hình thức cầu khiến (*mày đánh chồng bà đi*). Lời cầu khiến này được nói ra ở điều kiện chân thành là người nói không mong muốn người nghe hành động (ngược với điều kiện chân thành của một lời cầu khiến đích thực) nên có mục đích thách thức. Lời thứ nhất lại là điều kiện để có lời/ hành động thứ hai là đe dọa (*bà cho mày xem*). Thí dụ:

(14) *Đô Thị chửi: “Mẹ mày! Giữ lấy cái mũi! Ông sẽ cho mày sặc tiết cho xem.”*

(*Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr. 234, 2006)

Ở đây, lời đe dọa đứng sau lời cầu khiến (*giữ lấy cái mũi*). Lời cầu khiến này có mục đích cảnh báo đối phương hãy cẩn thận vì người nói sẽ thực hiện hành động *cho mày sặc tiết*.

Biểu thức mở rộng của lời đe dọa ở các thí dụ 12, 13, 14 gồm biểu thức ngôn cảnh + biểu thức đe dọa là:

Cú ck + (nếu) D2- V (thì) D1- Vd

2.6. Ngoài cách biểu hiện hành động đe dọa trực tiếp (từ mục 2.1 đến 2.5), thì cách biểu hiện hành động đe dọa gián tiếp trong tiếng Việt cũng rất phong phú. Đặc điểm của hành động đe dọa gián tiếp là ngoài việc nó được thực hiện thông qua một hành động khác có thể là cùng nhóm cam kết như hành động cam đoan, cam kết, thề hoặc thuộc nhóm khác như nhóm điều khiển: hỏi, cầu khiến (ra lệnh, xin phép...) thì đối tượng bị đe dọa cũng có thể ở ngôi thứ ba. Trong trường hợp này, chủ ngôn/ người nói đã thông qua lời nói trực tiếp với tiếp ngôn mà hướng tới người thứ ba cũng có mặt tại đó. Chẳng hạn:

- Đe dọa thực hiện thông qua hành động ra lệnh. Thí dụ:

(15) - *Có một việc canh tù mà lại để sống à? Chúng bay đánh nát đít nó ra cho ông! Chúng bay đánh cho chí kì nó cung xưng cái tội thông lưng với tù, mở cửa nhà pha thả tù cho ông xem!*

(*Vỡ đê*, Vũ Trọng Phụng)

Ở đây, quan huyện ra lệnh cho lính đánh người canh tù. Hành động ra lệnh này đe dọa đến thể xác của người canh tù (ở ngôi 3 - nó).

- Đe dọa thực hiện thông qua hành động xin phép. Thí dụ:

(16) *Cậu lính cơ hùng hổ đứng lên:*

- *Ông lí trưởng cứ ngồi đấy. Để tôi trị chúng nó!*

(*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

Ở đây, cậu lính đã thông qua hành động xin phép lí trưởng để thực hiện hành động gây thiệt hại cho người

dân với mục đích đe dọa người dân (ở ngôi 3 số nhiều)

- Đe dọa thực hiện thông qua hành động thỉnh cầu/ xin. Thí dụ:

(17) *Thưa ông, ông là cha tôi, điều đó lúc nào tôi cũng nhớ lắm. Tôi xin chịu ơn ông nhiều lắm, nhưng ông đã làm nhiều điều bỉ ổi lắm. Ông để ra tôi thì ông có quyền cho tôi sống hoặc bắt tôi chết... Thưa ông, xin ông cho tôi chết. Ông giết tôi đi.*

(Giông tố, Vũ Trọng Phụng)

Ở đây, người nói là con thực hiện hành động xin cha giết mình vì xấu hổ trước nhân cách của cha. Đây là hành động thỉnh cầu vì vị thế giao tiếp của con thấp hơn cha và hành động này được biểu hiện bằng vị từ ngôn hành tường minh *xin* có tính lịch sự cao. Khi nói lời này, người con đã dự liệu một sự thật hiển nhiên là không có người cha nào đồng ý với hành động này vì không có người cha nào muốn con mình chết. Vì thế, đích ngôn trung của hành động thỉnh cầu này không phải là mong sự đồng ý của cha mà là làm cho người cha lo sợ về việc người con muốn chết. Điều này dẫn đến kết quả là nếu người cha không muốn giết con thì người cha phải thay đổi cách sống cho phù hợp với chuẩn mực xã hội. Tức là thông qua hành động thỉnh cầu xin được chết, người con đã thực hiện hành động đe dọa gián tiếp: lấy cái chết của mình đe dọa người cha làm cho người cha lo sợ mà thực hiện mong muốn của người con là phải thay đổi cách sống. Hành động đe dọa gián tiếp thực hiện qua hành động thỉnh cầu chỉ được dùng khi người đe dọa có vị thế thấp hơn người bị đe dọa.

- Đe dọa thực hiện thông qua hành động hỏi. Thí dụ:

(18) *Nó quay phắt lưng lại. Mẹ nó quắc mắt lên mắng nó:*

- *Con nhà hỗn! Mày muốn phải đòn đấy hử?*

(Tuyển tập Nam Cao I, Nxb Văn học, 2003, tr.410)

Ở đây, lời hỏi được xác lập với cụm tiểu từ hỏi *đấy hử*. Lời hỏi này có biểu thức D2- *muốn Vđ* - *đấy hả* chứa vị từ biểu thị ý nghĩa gây thiệt hại thể xác cho người nghe (*phải đòn*) nhằm mục đích đe dọa. Đây là lời/ hành động đe dọa gián tiếp thông qua lời/ hành động hỏi.

- Đe dọa được thực hiện thông qua hành động khác cùng nhóm cam kết như cam đoan, thề... Thí dụ:

(19) - *Á! Á! Vâng! Quan lớn cứ việc bắt giam tôi đi, tôi cam đoan ngài sẽ phải trả giá đắt cái cuộc chơi ngông này lắm đấy.*

(Tuyển tập truyện ngắn hiện thực 1930-1945, Nxb Văn học, 2006)

Ở đây, người nói dùng lời cầu khiến *Quan lớn cứ việc bắt giam tôi đi* để thách thức người nghe với mong muốn người nghe không làm việc này vì thông thường không ai muốn vào tù. Sau lời cầu khiến là lời cam đoan sẽ có một kết cục xấu xảy ra cho người nghe với mục đích đe dọa đối phương. Như vậy, lời cam đoan có thể chuyển thành lời đe dọa gián tiếp khi nội dung của lời cam đoan nói đến một sự kiện xấu sẽ xảy ra trong tương lai gây thiệt hại cho người nghe.

Tóm lại, hành động đe dọa trong tiếng Việt được sử dụng khi tâm trạng

của người nói đang tức bực người nghe hoặc được sử dụng với mục đích làm tăng hiệu lực cho lời cầu khiến tiền ngôn của người nói. Về hình thức biểu hiện, hành động đe dọa không có vị từ ngôn hành tường minh mà được diễn đạt bằng biểu thức D1- Vd- D2 đi sau lời cầu khiến có mục đích thách thức hoặc cảnh báo, hoặc bằng kết cấu điều kiện nếu A thì B mà B biểu thị ý đe dọa. Ngoài dấu hiệu ngôn hành trực tiếp thì hành động đe dọa còn có dấu hiệu ngôn hành cận cảnh là lời mắng, chửi, lời cầu khiến hoặc lời cảnh báo, lời thách thức tiền ngôn làm điều kiện ngôn cảnh của lời đe dọa. Hành động đe dọa cũng được thể hiện gián tiếp qua các hành động khác như cầu khiến, hỏi, cam đoan... mà lời nói đề cập hành động/ sự kiện sẽ xảy ra gây thiệt hại cho người nghe. Trong xã hội hiện nay, hành động đe dọa được biểu hiện với những hình thức ngôn từ lịch sự hơn (ít có lời chửi đi kèm, dùng từ xung hô trung tính như tôi-anh). Vấn đề này phải cần một sự khảo sát sâu hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2, Ngữ dụng học*, Nxb GD, 2001.
2. Đào Thanh Lan, *Ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời cầu khiến tiếng Việt*, Nxb KHXH, 2010.
3. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb VH-TT, 1999.

4. Searle J. R., *Speech acts*, Cambridge University Press, 1969.

SUMMARY

Threatening is an action that has complex forms of expression, it is not easy to identify. Through the analysis of conditions of usage, context, meaning, and modes of expression, the paper has the following conclusions:

- Threatening is the use of speech to create some kind of anxiety which makes the speaker to follow the speaker's request.
- Threatening act is used when the speaker is angry with the hearer or when the speaker wants to increase the effectiveness of his/her request and demand. Therefore, before the threatening speech there is often a verbal abuse.
- Threatening act can be expressed with a direct method (which has typical performative signs) or an indirect method (by form of another Illocutionary speech act such as a request and a demand...). In the direct approach, the threatening acts have no performative verb and use the expression: D1-Vd- D2 (D1, D2= noun/ pronoun in the 1st or 2nd position; In the indirect approach, threatening acts can be expressed by a request and a demand, a commitment (promise, swear, etc.) under the condition that the semantic content of those acts represents a bad event, causing damage to others.